

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Chủ đề 1: Vùng Đông Nam Bộ 6 điểm TN = 60 %	-Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ -Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên - Dân cư xã hội - Tình hình phát triển kinh tế	8 TN		10 TN		6 TN				6đ (60%)
2	Chủ đề 2 Vùng Đồng bằng sông Cửu Long 1 điểm TN 3 điểm TL = 40%	Bài 35: Vùng đồng bằng sông Cửu Long		1 TL	2 TN			1TL	2 TN		4đ (40%)
Tỉ lệ			8 TN + 1 TL (4 điểm) 40%		12 TN (3 điểm) 30%		6 TN+ 1 TL (2,5 điểm) 25%		2 TN (0,5 điểm) 5%		100%
Tỉ lệ chung			40%		30%		30%				100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1: Địa lí dân cư 6 điểm TN = 60 %	- Bài 31: Vùng Đông Nam Bộ - Bài 32: Vùng Đông Nam Bộ (tiếp theo) - Bài 33: Vùng Đông Nam Bộ (tiếp theo)	Nhận biết: - Các tỉnh thành của vùng Đông Nam Bộ - Tên khoáng sản, các loại đất chính của vùng - Các trung tâm công nghiệp của vùng - Tình hình phát triển nông nghiệp, công nghiệp Thông hiểu: - Giải thích được tình hình phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của vùng - Vì sao vùng thu hút đầu tư nước ngoài - Biết cách đọc bảng số liệu Vận dụng thấp: - Biết nhận dạng biểu đồ thông qua đọc bảng số liệu cho sẵn - Giải thích nguyên nhân thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu trong phát triển nông – lâm- nghiệp - So sánh về nông nghiệp với vùng Tây Nguyên - Giải thích sự phát triển ngành dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ	8 TN	10TN	6TN	
2	Chủ đề 2 : Địa lí kinh tế 1 điểm TN 3 điểm TL = 40%	- Bài 35: Vùng đồng bằng sông Cửu Long	Nhận biết: - Trình bày vị trí địa lý và ý nghĩa của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thông hiểu: - Thuận lợi về vị trí địa lý của vùng mang lại và ảnh hưởng của mùa khô đối với nông nghiệp. Vận dụng thấp: - Giải thích tại sao Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh kinh tế	1 TL	2 TN	1TL	2TN

			Vận dụng cao: - Giải thích được điều kiện tự nhiên của vùng đối với phát triển trồng lúa và lợi ích do lũ mang lại				
Số câu/ loại câu				8 TN + 1TL	12 TN	6 TN+ 1 TL	2 TN
<i>Tỉ lệ %</i>				40%	30%	25%	5%

(Đề kiểm tra gồm có 04 trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (7 điểm) Chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. đất xám và đất phù sa. B. đất bazan và đất feralit.
C. đất phù sa và đất feralit. D. đất bazan và đất xám.

Câu 2. Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ tập trung chủ yếu ở:

- A. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.
B. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.
C. TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.
D. Biên Hòa, Vũng Tàu, Bình Dương.

Câu 3. Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. Điều B. Cà phê C. Cao su D. Hồ tiêu

Câu 4. Trung tâm khai thác dầu khí của Đông Nam Bộ là

- A. TP. Hồ Chí Minh. B. Biên Hòa. C. Thủ Dầu Một. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 5. Đông Nam Bộ bao gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 6. Khoáng sản quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. Than B. Dầu khí C. Bôxít D. Đồng

Câu 7. Thành phố có sức thu hút lao động nhất cả nước ở Đông Nam Bộ là

- A. Biên Hòa B. Thủ Dầu Một C. TP. Hồ Chí Minh D. Bà Rịa – Vũng Tàu

Câu 8. Chăn nuôi gia súc, gia cầm của vùng được chú trọng phát triển theo hướng áp dụng phương pháp chăn nuôi :

- A. nửa chuồng trại. B. trường trại. C. công nghiệp. D. bán thâm canh.

Câu 9. Đông Nam Bộ có thể phát triển nhanh không phải là nhờ?

- A. Là trung tâm kinh tế phía Nam. B. Gần nhiều vùng giàu tiềm năng.
C. Gần trung tâm các nước Đông Nam Á. D. Nền nông nghiệp tiên tiến nhất.

Câu 10. Mặt hàng xuất khẩu chủ lực, mang lại giá trị kinh tế lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. đồ gỗ. B. dầu thô. C. thực phẩm chế biến. D. hàng may mặc.

Câu 11: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2017 (%)

Vùng	Cơ cấu kinh tế phân theo khu vực kinh tế		
	Nông – Lâm – Ngư nghiệp	Công nghiệp – Xây dựng	Dịch vụ
Đông Nam Bộ	4,7	47,5	47,8
Cả nước	17,1	37,1	45,8

Trong cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ, ngành chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là:

- A. Nông – lâm – ngư nghiệp. B. Công nghiệp, xây dựng.
C. Dịch vụ. D. Không có ngành nào.

Câu 12. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Bình Dương, Bình Phước. B. TP Hồ Chí Minh.
C. Tây Ninh, Đồng Nai. D. Đồng Nai, Bình Dương.

Câu 13. Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

- A. chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển.
B. đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.
C. ít khoáng sản, rừng và nguy cơ ô nhiễm môi trường.
D. tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

Câu 14. Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là:

- A. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà tù Côn Đảo.
B. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.
C. Địa đạo Củ Chi, Nhà tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.
D. Nhà tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

Câu 15. Cho bảng số liệu: Một số chỉ tiêu của vùng kinh tế trọng điểm phía nam so với cả nước. Năm 2002 (cả nước = 100%)

<i>Tiêu chí</i>	<i>Tổng GDP</i>	<i>GDP công nghiệp – xây dựng</i>	<i>Giá trị xuất khẩu</i>
Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	35,1	56,6	60,3

Giá trị xuất khẩu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam so với cả nước là:

- A. Dưới 40%. B. 40 - 50%. C. 50 - 60%. D. Trên 60%

Câu 16. Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành ở Đông Nam Bộ là

- A. dệt may, da – giày, gốm – sứ. B. dầu khí, phân bón, năng lượng.
C. chế biến lương thực, cơ khí. D. dầu khí, điện tử, công nghệ cao.

Câu 17. Đâu không phải là đặc điểm của khu vực dịch vụ ở Đông Nam Bộ?

- A. Chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu GDP của vùng.
B. Hoạt động xuất, nhập khẩu dẫn đầu cả nước.
C. TP. Hồ Chí Minh là trung tâm dịch vụ lớn nhất.
D. Dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài.

Câu 18. Đông Nam Bộ có sức hút mạnh đầu tư nước ngoài, nguyên nhân không phải?

- A. Vị trí địa lí thuận lợi cho giao thương trong nước và quốc tế.
B. Dân cư đông, có tay nghề cao; cơ sở hạ tầng – kĩ thuật khá đồng bộ.
C. Chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài.
D. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời nhất cả nước.

Câu 19. Cho bảng số liệu:

Diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002.

Vùng	Tiêu chí	Diện tích (nghìn km²)	Dân số (triệu người)	GDP (nghìn tỉ đồng)
Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam		28,0	12,3	188,1
Ba vùng kinh tế trọng điểm		71,2	31,3	289,5

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002 là

- A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ tròn. D. Biểu đồ cột chồng.

Câu 20. Nguyên nhân làm cho thủy lợi trở thành vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong phát triển nông, lâm nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. mùa khô kéo dài sâu sắc, nhiều vùng thấp bị ngập úng vào mùa mưa.
B. chủ yếu là đất xám phù sa cổ, độ phì kém và khó giữ nước.
C. các vùng chuyên canh cây công nghiệp cần nhiều nước tưới.
D. mạng lưới sông ngòi ít, chủ yếu sông nhỏ ít nước.

Câu 21. Vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên có thể mạnh giống nhau là

- A. khai thác dầu khí. B. trồng cây công nghiệp.
C. khai thác thủy sản. D. khai thác, chế biến lâm sản.

Câu 22. Vấn đề bức xúc nhất hiện nay ở Đông Nam Bộ là:

- A. Nghèo tài nguyên. B. Dân đông C. Thu nhập thấp D. Ô nhiễm môi trường

Câu 23. Nhân tố chủ yếu khiến lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh ngày một đông là

- A. vị trí địa lí thuận lợi, có nhiều di tích văn hóa lịch sử, nhà hàng khách sạn.
B. chính sách bảo hiểm du lịch cao và đảm bảo; không khí trong lành.
C. vị trí nằm ở khu vực trung tâm của Đông Nam Á.
D. đội ngũ lao động ngành du lịch có trình độ cao, hệ thống tiếp thị tốt.

Câu 24. Ý nào không đúng về đặc điểm ngành dịch vụ vùng Đông Nam Bộ?

- A. Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông quan trọng nhất của vùng.
B. Vùng nhận được đầu tư nước ngoài chiếm tỉ lệ cao nhất cả nước.
C. Cao su là mặt hàng xuất khẩu mang lại giá trị cao nhất.
D. Dầu thô mang lại giá trị kinh tế cao nhất.

Câu 25. Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

- A. Xâm nhập mặn. B. Cháy rừng. C. Triều cường. D. Thiếu nước ngọt

Câu 26. Thuận lợi lớn nhất về vị trí của Đồng bằng Sông Cửu Long là

A. toàn bộ diện tích là đồng bằng.

B. ba mặt giáp biển.

C. nằm ở cực Nam tổ quốc.

D. rộng lớn nhất cả nước.

Câu 27. Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên thuận lợi để trồng lúa không phải do nguyên nhân nào sau đây?

A. sự đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước. B. khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

C. địa hình thấp và bằng phẳng.

D. diện tích đất nông nghiệp lớn.

Câu 28. Để khai thác các lợi thế kinh tế do lũ mang lại ở Đồng bằng sông Cửu Long, phương hướng chủ yếu hiện nay là

A. xây dựng hệ thống đê điều.

B. chủ động sống chung với lũ.

C. tăng cường công tác dự báo lũ.

D. đầu tư cho các dự án thoát lũ.

II. TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Trình bày vị trí địa lý của đồng bằng sông Cửu Long? Ý nghĩa vị trí địa lý của đồng bằng sông Cửu Long ?

Câu 2 (1 điểm): Giải thích vì sao vùng Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh kinh tế biển?

.....*Chúc các em làm bài tốt!*.....

I, TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM):

CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN
1	D	16	D
2	B	17	A
3	C	18	D
4	D	19	C
5	B	20	A
6	B	21	B
7	C	22	D
8	C	23	A
9	D	24	C
10	B	25	D
11	A	26	B
12	B	27	A
13	C	28	B
14	A		
15	D		

(Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)

II, TỰ LUẬN: (3 ĐIỂM):

Câu 1 (2 điểm):

- Vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ: (1 điểm)

- + Nằm ở tận cùng phía Nam của Tổ quốc
- + Diện tích: 40.000 km² chiếm 12% diện tích cả nước.
- + Gồm 13 tỉnh thành
- + Đồng bằng sông Cửu Long là một bộ phận của châu thổ sông Mê Công. Nằm liền kề phía tây vùng Đông Nam Bộ.
- + Tiếp giáp:
 - Phía bắc giáp Cam-pu-chia.
 - Phía tây nam giáp vịnh Thái Lan.
 - Phía đông nam là Biển Đông.

- Ý nghĩa vị trí địa lí của Đồng bằng sông Cửu Long:

- + Gần Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển mạnh, là thị trường tiêu thụ nhiều sản phẩm (nông sản, thủy sản) và sử dụng nhiều lao động của đồng bằng. (0,25 điểm)
- + Giáp Campuchia với đường biên giới dài và giao lưu rất thuận lợi phát triển các mối quan hệ hợp tác với các nước Tiểu vùng sông Mê công. (0,25 điểm)
- + Giáp Biển Đông với bờ biển dài và các vùng biển rộng lớn nhiều bãi tôm, bãi cá, rừng ngập mặn, cửa sông thuận lợi cho việc đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, giao lưu với nhiều vùng trong nước và nước ngoài bằng đường biển. (0,25 điểm)
- + Ở cực nam của đất nước, gần xích đạo, khí hậu của vùng có tính chất cận xích đạo rõ rệt, nguồn nhiệt ẩm dồi dào, thời tiết ít biến động, ít thiên tai. (0,25 điểm)

Câu 2 (1 điểm):

Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh kinh tế biển do bờ biển và vùng biển có nhiều tiềm năng:

- Bờ biển (0,5 điểm)
 - + Có nhiều địa điểm thích hợp để xây dựng cảng.
 - + Có các bãi tắm tốt (Vũng Tàu, Long Hải).
 - + Có rừng ngập mặn và nhiều cửa sông.
- Thuận lợi phát triển giao thông đường biển, du lịch, nuôi trồng thủy sản.
- Vùng biển: (0,5 điểm)
 - + Nguồn lợi hải sản phong phú, ngư trường rộng lớn.
 - + Gần các tuyến đường biển quốc tế.
 - + Thềm lục địa rộng và nông, giàu tiềm năng dầu khí.
 - + Có Côn Đảo với nhiều cảnh quan du lịch.
- Có điều kiện phát triển dịch vụ vận tải biển, khai thác thủy sản, khai thác dầu khí, du lịch

